



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

Biện pháp phòng ngừa:  
P273 Tránh thải vào môi trường.

Lưu ý khi thải bỏ:  
P501 Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:  
Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Polymer dựa trên: polycarboxylate ether

#### Thành phần nguy hại

sodium acrylate

Hàm lượng (W/W):  $\geq 0.3\%$  -  $< 1\%$

%

Số CAS: 7446-81-3

Aquatic Acute: Cat. 1

Aquatic Chronic: Cat. 2

M- nhân tố cấp tính: 1

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải bụi, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:  
Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước. Không làm nôn mửa trừ khi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ yêu cầu làm như vậy.

Lưu ý cho bác sĩ:  
Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

bột khô, bột

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
cacbon dioxide

Thông tin bổ sung:  
Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm.

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
những chất dạng hơi có hại  
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:  
Mức độ rủi ro được kiểm soát bởi chất cháy và các điều kiện cháy. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:  
Tránh bụi. Sử dụng quần áo bảo hộ lao động.

Cảnh báo môi trường:  
Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:  
Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.  
Cho lượng lớn: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.  
Tránh làm phát sinh bụi.

---

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### Hướng dẫn sử dụng

Bảo vệ hô hấp khi san chiết hoá chất với số lượng lớn mà không có sự thông hút cục bộ.

Phòng chống cháy nổ:  
Tránh bụi. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

### Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C  
Sản phẩm đóng gói phải được bảo quản dưới nhiệt độ yêu cầu.

---

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

Silicon dioxide, 7631-86-9;

Giá trị TWA 10 mg/m<sup>3</sup> (ACGIHTLV), Các phần tử có thể hít vàoGiá trị TWA 3 mg/m<sup>3</sup> (ACGIHTLV), Các phần tử có kích thước trên 10 µm

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su chloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: bột  
Màu sắc: màu vàng nhạt đến nâu nhạt  
Mùi: không mùi  
Ngưỡng mùi: Chưa có thông tin thực nghiệm.

Giá trị pH: tương đương 6.5 - 8.5  
(20 %(m), 20 °C)

Nhiệt độ nóng chảy.:

Chất / sản phẩm phân hủy do đó  
không được xác định.

nhiệt độ sôi:

không áp dụng

Điểm chớp cháy:

Không dễ cháy.

Tốc độ bay hơi:

Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.

Giới hạn nổ dưới (LEL): 30 g/m<sup>3</sup>

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
 Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

Nhiệt độ tự cháy:	360 °C Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.	
Phân huỷ do nhiệt:	không được xác định	
Tự bắt cháy:	Nhiệt độ: 155 °C Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Dữ liệu này áp dụng cho chất rắn dạng bột. Không phát hiện hiện tượng tự bắt cháy ở nhiệt độ chỉ định.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ cao (Phương pháp: VDI 2263, bảng 1, 1.4.2)
Khả năng tự gia nhiệt:	Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.	
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	30 - 100 mJ	
	Tính cảm ứng: 1 mH	
	Xếp loại kích thước hạt: < 63 µm	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	Sản phẩm không được thí nghiệm.	
Tỷ trọng:	không áp dụng	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	tương đương 300 - 600 kg/m <sup>3</sup>	
Tỷ trọng hơi (không khí):	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính tan trong nước:	hoà tan	
Khả năng pha trộn với nước:	không áp dụng	
Phép nghiệm ẩm:	Sản phẩm không được thí nghiệm.	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.	
Tính nhớt, động lực:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:  
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: không được xác định

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

Những chất cần tránh:

các axit mạnh, các chất bazơ mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh, các chất khử mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

---

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường phơi nhiễm

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): > 5,000 mg/kg

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

#### Độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): 4 h

không được xác định

#### Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da):

không được xác định

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

#### Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Sẽ không gây dị ứng nếu tuân thủ mục đích sử dụng và bảo quản đúng qui cách. Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

#### Dị ứng da/hô hấp

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

Đánh giá tính nhạy cảm:

Không có tác dụng mẫn cảm. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên các thành phần, không có bằng chứng về tác động gây biến đổi gen.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Dựa trên các thành phần sản phẩm, không có nghi ngờ về độc tính ảnh hưởng đến sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Dựa trên thành phần sản phẩm, hoàn toàn không có mối nguy cơ gây biến đổi di truyền.

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Ghi chú: Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không có dữ liệu chắc chắn liên quan đến độc tính liều lượng lặp lại. Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

### **Nguy cơ khi hít vào**

không áp dụng

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

Tác hại cấp tính cho thủy sinh vật.

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 10 - 100 mg/l, Cá

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Loài không xương sống thủy sinh:

LC50 (48 h), loài sinh vật giáp xác phù du daphnia (khác)

không được xác định

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h), tảo (khác)

không được xác định

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (0.5 h), vi khuẩn (khác)

không được xác định

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

### **Tính bền và tính biến chất**

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Không thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

### **Khả năng tích lũy sinh học**

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Không có sẵn các dữ liệu.

### **Thông tin bổ sung**

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

---

## **13. Thông tin về thải bỏ**

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
 Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:  
 Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.  
 Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

### Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

### Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

### Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt	Chưa có thông tin

### Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.12.2022  
Sản phẩm: **MELFLUX 6681 F MB**

Phiên bản: 1.0

(30857637/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 16.10.2025

cho người dùng

user

---

## 15. Thông tin về pháp luật

### Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có).
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

---

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

---

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.